

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHỢ MỚI  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 271/2021/HNGĐ-ST

Ngày 30/9/2021

V/v tranh chấp “Ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Anh Thư.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Trí;

2. Ông Ngô Văn Được.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Tấn Kiệt, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:** Không tham gia.

Ngày 30 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 451/2021/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2021 về việc tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 421/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Mỹ D, sinh năm 1966; địa chỉ: ấp Q, xã B, huyện C, tỉnh An Giang (Có yêu cầu xét xử vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn P – Luật sư của Văn phòng Luật sư Nguyễn Văn P thuộc Đoàn Luật sư tỉnh An Giang (Có yêu cầu xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông Võ Thanh H, sinh năm 1964; địa chỉ: ấp Q, xã B, huyện C, tỉnh An Giang (Vắng mặt).

**NỘI D V U Á N:**

Trong đơn khởi kiện, tờ tự khai và các biên bản hòa giải nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ D trình bày: Bà và ông Võ Thanh H do mai mối, tổ chức lễ cưới và

chung sống với nhau vào tháng 6 năm 1987, không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Vợ chồng sống hạnh phúc đến cách nay khoảng 08 năm thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do ông H có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác bên ngoài nên thường xuyên kiểm chuyện với vợ con, không quan tâm gia đình nên vợ chồng thường hay cãi nhau. Hiện nay, vợ chồng vẫn còn sống chung nhà, nhưng mỗi người có cuộc sống riêng tư, vợ chồng không quan tâm đến nhau khoảng 08 năm cho đến nay. Nay, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, bà yêu cầu ly hôn với ông Võ Thanh H. Về quan hệ con chung: Trong thời gian chung sống, bà và ông H có 04 con chung tên Võ Thị N, sinh năm 1988, Võ Thị A, sinh năm 1990, Võ Thị Bích Tr, sinh năm 1994 và Võ Thanh T, sinh năm 2002. Các con nay đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về quan hệ tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về quan hệ nợ chung: Không có.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn Luật sư Nguyễn Văn P trình bày, thống nhất theo lời trình bày của bà D, không bổ sung ý kiến.

Tại phiên tòa bà D có yêu cầu xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn ông Võ Thanh H được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông H vẫn vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Nguyễn Thị Mỹ D yêu cầu ly hôn với ông Võ Thanh H, ông H có nơi cư trú ấp Q, xã B, huyện C, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân năm 2015.

[2] Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ D và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn Luật sư Nguyễn Văn P có yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn ông Võ Thanh H đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà D, ông H và Luật sư Ph là có căn cứ.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Hội đồng xét xử nhận thấy, bà Nguyễn Thị Mỹ D cho rằng, bà và ông H do mai mối, tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau vào tháng 6 năm 1987, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là các giấy chứng minh nhân dân của các cháu Võ Thị N, Võ Thị A và các giấy khai sinh của Võ Thị Bích Tr, Võ Thanh T. Trong đó, có giấy chứng minh nhân dân của

cháu Võ Thị N, **sinh ngày 19 tháng 6** năm 1988. Do đó, có cơ sở xác định bà D, ông H chung sống với nhau vào khoảng tháng 6/1987, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật; là quan hệ hôn nhân không hợp pháp, không được pháp luật thừa nhận và bảo vệ, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng, khi có yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn thì Tòa án không công nhận bà D, ông H là vợ chồng là phù hợp với Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.1] Về quan hệ con chung: Trong thời gian chung sống, bà D xác định bà và ông H có 04 con chung tên Võ Thị N, sinh năm 1988, Võ Thị A, sinh năm 1990, Võ Thị Bích Trâm, sinh năm 1994 và Võ Thanh Tuấn, sinh năm 2002. Các con nay đã thành niên, có khả năng lao động nuôi sống bản thân, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[3.2] Về quan hệ tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[3.3] Về quan hệ nợ chung: Bà D trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[4] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Căn cứ:** - Các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Các Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:** Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Mỹ D đối với ông Võ Thanh H.

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Nguyễn Thị Mỹ D và ông Võ Thanh H là vợ chồng.

- Về quan hệ con chung: Bà Nguyễn Thị Mỹ D và ông Võ Thanh H có 04 con chung tên Võ Thị N, sinh năm 1988, Võ Thị A, sinh năm 1990, Võ Thị Bích Tr, sinh năm 1994 và Võ Thanh T, sinh năm 2002. Các con nay đã thành niên, có khả năng lao động nuôi sống bản thân.

- Về quan hệ tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Mỹ D và ông Võ Thanh H tự thỏa thuận.

- Về quan hệ nợ chung: Không có. Ghi nhận bà Nguyễn Thị Mỹ D xác định không có nợ chung, nhưng sau khi quyết định ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có nguyên đơn khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của anh chị trong thời kỳ sống chung thì bà Nguyễn Thị Mỹ D và ông Võ Thanh H vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

**Án phí hôn nhân sơ thẩm:** 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) bà Nguyễn Thị Mỹ D phải chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0009597 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cấp ngày 08 tháng 6 năm 2021. Bà D đã nộp đủ.

Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- VKSND H. Chợ Mới;
- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS H. Chợ Mới;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Anh Thư**

